

UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84/BC-TrMN

Hiệp An, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN

Năm 2024

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Mầm non Hiệp An

2. Địa chỉ:

- Số 02, phố Bắc Sơn, Khu dân cư Lưu Thượng I, Phường Hiệp An, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 03203.827.921.

- Địa chỉ trang tin điện tử: km-mnhiepan.haiduong.edu.vn

3. Loại hình trường: Trường công lập;

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thị xã Kinh Môn.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mạng: Quyết tâm xây dựng một môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện, an toàn; cung cấp một chương trình nuôi dạy tâm huyết được duy trì nền tảng văn hóa dân tộc nhằm đào tạo nên một thế hệ trẻ thể lực khỏe mạnh; trí tuệ thông minh; nhân cách hoàn thiện; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo, hợp tác, thích ứng của mỗi cá nhân.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng trường Mầm non Hiệp An là một ngôi trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm; chất lượng và hiệu quả có đầy đủ CSVC và trang thiết bị để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non. Nơi phụ huynh, học sinh tin cậy, tạo dựng được môi trường chăm sóc, giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương, giúp trẻ phát triển toàn diện, sáng tạo.

4.3. Mục tiêu của cơ bản giáo dục: Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tâm thế sẵn sàng cho trẻ em vào lớp một. Hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng cho tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết cho phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

5. Quá trình hình thành và phát triển của nhà trường.

thanh niên luôn được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nhiều giáo viên đạt thành tích xuất sắc tại Hội thi giáo viên dạy giỏi, tổ trưởng chuyên môn giỏi cấp thị xã, cấp tỉnh, nhiều CB-GV-NV đạt danh hiệu CSTĐ cơ sở, Giấy khen và bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh, Bộ GD&ĐT, thủ tướng chính phủ; LĐLĐ Việt Nam;.... Trường được đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục mức độ II năm 2018 và đạt mức độ III năm 2024.

6. Thông tin người đại diện trường Mầm non Hiệp An

- Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Tuyết
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Sinh ngày 16/02/1980
- Địa chỉ làm việc: - Số 02, phố Bắc Sơn, Khu dân cư Lưu Thượng I, Phường Hiệp An, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: 0978811552
- Địa chỉ thư điện tử: thotuyet80@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Trường Mầm non Hiệp An thành lập theo Quyết định số 1673/QĐ-UB ngày 11/12/2003 của UBND huyện Kinh Môn (nay là thị xã Kinh Môn);

7.2. Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 615/QĐ-PGDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng GD&ĐT Kinh Môn về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non Hiệp An, nhiệm kỳ 2019 – 2024 gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Hội Đồng trường
1	Nguyễn Thị Tuyết	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Hoàng Tố Hương	Chủ tịch Công đoàn, Tổ trưởng CM tổ 5 tuổi	Thư ký
3	Nguyễn Văn Mạnh	Phó CT UBND phường Hiệp An	Ủy viên
4	Nguyễn Thị Lý	Giáo viên, Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
5	Đỗ Thị Lâm	Tổ trưởng CM tổ 4 tuổi	Ủy viên
6	Hoàng Thị Chinh	Tổ trưởng CM tổ 3 tuổi	Ủy viên
7	Mạc Thị Na	Nhân viên Kế toán	Ủy viên
8	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên, BCH Công đoàn, thủ quỹ	Ủy viên
9	Nguyễn Thị Trang Nhung	Trưởng Ban đại diện	Ủy viên

- Là chủ tài khoản của nhà trường, quyết định các vấn đề chi tiêu trong phạm vi ngân sách của nhà trường. Hằng năm lên kế hoạch thu – chi các khoản đóng góp từ phụ huynh báo cáo với địa phương và phòng GD&ĐT đúng qui định.
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.
- Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường, quyết định khen thưởng, phê duyệt kết quả đánh giá trẻ theo các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em do Bộ giáo dục và Đào tạo quy định.
- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia các hoạt động giáo dục hoặc dự 2 giờ/tuần, được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.
- Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. - Thực hiện xã hội hoá giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

b, Phó hiệu trưởng.

** Đ/c Nguyễn Thị Nhung – Phó hiệu trưởng: Phụ trách chuyên môn tổ nhà trẻ + nuôi dưỡng; Công tác bán trú; Phổ cập GD; CSVC; Hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ; công tác điều tra phổ cập; theo dõi chấm công; chỉ đạo công tác đảm bảo vệ sinh trong nhà trường và phối hợp kiểm tra các cơ sở tư thực. Dạy lớp 24-36 tháng A ngày thứ 3 hàng tuần. (Bình xét thi đua cùng khối NT).*

- Giúp việc cho hiệu trưởng, chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công, điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.
- Phụ trách bán trú, lao động vệ sinh môi trường, VSATTP. Tổ chức phụ trách các phong trào thi đua của trường, ngành.
- Phụ trách chuyên môn nhà trẻ, trực tiếp chịu trách nhiệm về chất lượng chăm sóc giáo dục toàn diện của trẻ trong nhà trường.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, chỉ đạo chuyên môn cho giáo viên, nội dung chương trình giáo dục trẻ nhà trẻ. Kiểm tra toàn diện GV, hồ sơ chuyên môn ký duyệt giáo án.
- Kiểm tra đánh giá xếp loại chuyên môn của giáo viên, kiểm tra tài sản, xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị dạy học, là thành viên trong hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật. Linh hoạt bố trí, sắp xếp giáo viên trông lớp khi có giáo viên nghỉ ốm hoặc có việc đột xuất (Đối với giáo viên khối nhà trẻ - nuôi dưỡng)
- Xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề khối nhà trẻ; các hội giảng, hội thi của trường.
- Lên lịch kiểm tra vệ sinh môi trường, vệ sinh phòng nhóm. Nhắc nhở và xử lý vi phạm của giáo viên nếu không thực hiện nghiêm túc các nội quy về sử dụng điện, nước, các thiết bị trường học.
- Xây dựng và thực hiện các nội dung bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên khối nhà trẻ.
- Tham gia xây dựng, phân công giáo viên, đề bạt khen thưởng, kỷ luật...

- Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trao đổi thống nhất chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ công tác trong nhà trường. Hàng tuần báo cáo với hiệu trưởng về tình hình chất lượng, nề nếp của các nhóm lớp mẫu giáo, giáo viên, học sinh và phản ánh của phụ huynh học sinh.
- Nhắc nhở và xử lý vi phạm của giáo viên nếu không thực hiện nghiêm túc các nội quy về sử dụng điện, nước, các thiết bị trường học.
- Thống kê số liệu chuyên môn, báo cáo.
- Chỉ đạo việc thực hiện qui chế hoạt động của tổ mẫu giáo.
- Các nhiệm vụ khác khi được phân công.
- Dạy thay 2 buổi/ tuần.
- Khi được giao nhiệm vụ hoặc được cử đi học tập, tập huấn về phải có trách nhiệm báo cáo với hiệu trưởng về nội dung học tập.
- Ngoài ra chịu sự phân công của hiệu trưởng về các công việc khác.

c, Tổ trưởng, tổ phó.

Tổ trưởng:

- * Đ/c Hoàng Tố Hương (Tổ trưởng tổ mẫu giáo 5 tuổi)
- * Đ/c Đỗ Thị Lâm (Tổ trưởng tổ mẫu giáo 4 tuổi)
- * Đ/c Hoàng Thị Chinh (Tổ trưởng tổ mẫu giáo 3 tuổi)
- * Đ/c Nguyễn Thị Thu Thảo (Tổ trưởng tổ nhà trẻ).
- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác;
- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.
- Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;
- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên trong tổ.
- Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai lần/ tháng.

Tổ phó:

- * Đ/c Đinh Thị Thuý (Tổ phó tổ mẫu giáo 5 tuổi)
- * Đ/c Nguyễn Thị Xuân (Tổ phó tổ mẫu giáo 4 tuổi)
- * Đ/c Nguyễn Thị Minh (Tổ phó tổ mẫu giáo 3 tuổi)
- * Đ/c Nguyễn Thị Bích (Tổ phó tổ nhà trẻ).

Cùng tổ trưởng triển khai kế hoạch chương trình để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và nâng cao chất lượng chuyên môn của tổ.

d, Giáo viên.

- Phải thực hiện nghiêm túc kỷ luật lao động, nghĩa vụ của người cán bộ giáo viên theo pháp lệnh công chức, chế độ chính sách pháp luật của Nhà nước và luật giáo dục. Chuẩn về đạo đức nhà giáo.

- Tổng hợp báo cáo các giao dịch với phòng Giáo dục - Đào tạo, mọi việc có liên quan đến tài chính, hoàn thành các thủ tục nâng lương, bảo hiểm xã hội, y tế, hợp đồng lao động, mọi thủ tục giấy tờ có liên quan đến tài chính.
- Xây dựng kế hoạch tổ văn phòng. Phụ trách công tác nhập dữ liệu PMIS, EMIS.
- Quản lý tài sản của nhà trường, kiểm tra thường xuyên việc sử dụng các tài sản, thiết bị, kiểm kê theo định kỳ, thống kê báo cáo .
- Thực hiện đúng chế độ, nguyên tắc trong thu chi tài chính, mua sắm ...
- Quản lý hồ sơ tài chính theo quy định.
- Làm lương cho CBGVNV vào ngày 5-10 hàng tháng.
- Thực hiện đúng chế độ chính sách nhà giáo, thanh quyết toán kịp thời, đúng chế độ hiện hành.
- Quản lý mọi tài sản của văn phòng.
- Tham gia vào các hoạt động của trường do hiệu trưởng phân công.
- Làm tất cả mọi việc phải trình và xin ý kiến của hiệu trưởng.
- Thực hiện quy định về chuyên môn, nghiệp vụ văn thư – lưu trữ. Sử dụng và quản lý hồ sơ.
- Giúp hiệu trưởng soạn thảo các văn bản nội bộ, công văn gửi đi. Gửi công văn, báo cáo của nhà trường tới các cấp trên.

e, Giáo viên kiêm thủ quỹ cô Nguyễn Thị Hoa.

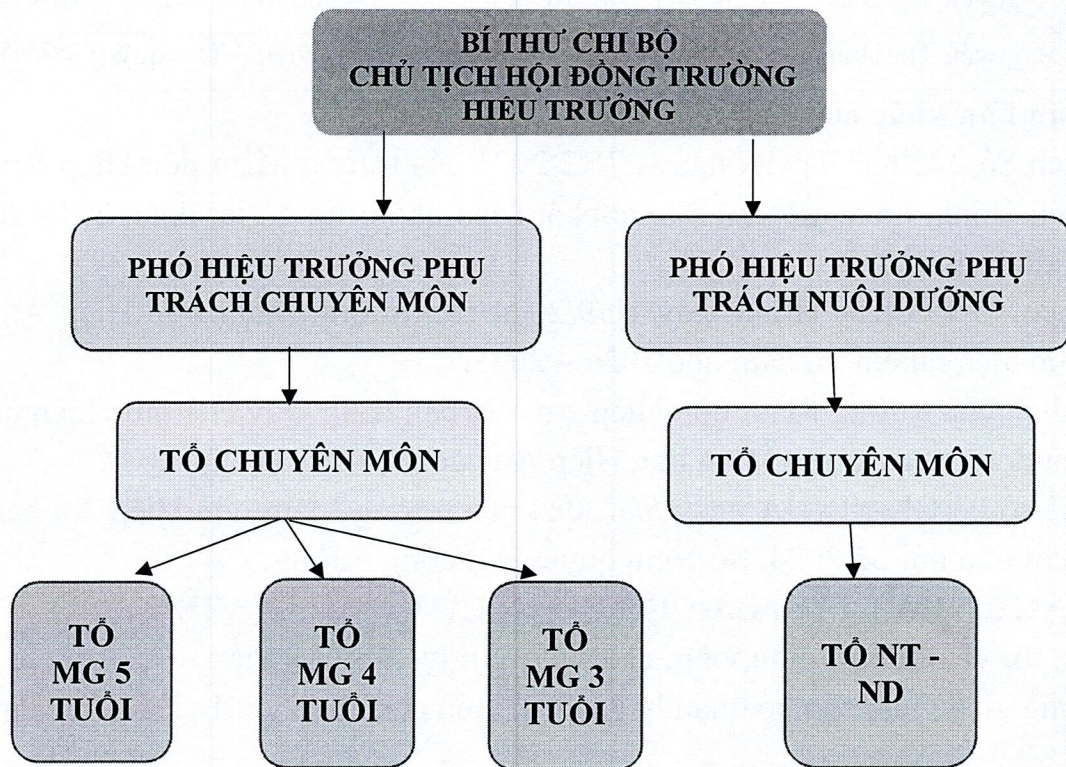
- Thực hiện đúng nhiệm vụ của giáo viên
- Thu và chi cấp phát tiền phải đảm bảo chính xác đúng đối tượng, đủ số lượng, theo đúng phiếu hay danh sách đã được chủ tài khoản ký duyệt.
- Tự chịu trách nhiệm quản lý cất giữ tiền quỹ. Không được chi khi chưa có ý kiến của Hiệu trưởng.
- Các nhiệm vụ khác khi được phân công.

f, Nhiệm vụ của nhân viên nuôi dưỡng

- Thực hiện đúng nội quy với nhân viên nhà bếp.
- Đảm bảo VSATTP. Tuân thủ các quy trình chế biến thực phẩm. Không bớt xén khẩu phần ăn của trẻ.
- Tiếp nhận thực phẩm hàng ngày đúng nguyên tắc, kiểm tra thực phẩm trước khi tiếp nhận.
- Lưu mẫu thức ăn hàng ngày đúng quy định.
- Vệ sinh trong và ngoài bếp ăn đảm bảo sạch sẽ. Tham gia trồng và chăm sóc vườn rau của nhà trường.
- Chịu trách nhiệm về tình trạng ngộ độc thức ăn xảy ra trong nhà trường.
- Tham gia các hoạt động khi có sự phân công.

g, Bảo vệ và người quét dọn vệ sinh

- * Quét dọn vệ sinh:



7.5. Chia tách sát nhập: Không.

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại cán bộ, giáo viên chủ chốt, nhân viên:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ	Số ĐT
1	Nguyễn Thị Tuyết	16/02/1980	Đại học	Hiệu trưởng	0978811552
2	Nguyễn Thị Nhung	08/05/1978	Đại học	Phó Hiệu trưởng	0385755417
3	Nguyễn Thị Thịnh	01/03/1982	Đại học	Phó Hiệu trưởng	0392180812
4	Mạc Thị Na	02/01/1990	Đại học	Kế toán	0973709388
5	Hoàng Tố Hương	05/05/1985	Đại học	Tổ trưởng tổ 5 tuổi - CTCĐ	0976601575
6	Đinh Thị Thúy	18/01/1985	Đại học	Tổ phó tổ 5 tuổi	0944011966
7	Đỗ Thị Lâm	06/04/1985	Đại học	Tổ trưởng tổ 4 tuổi - BTTND	0352596598
8	Nguyễn Thị Xuân	20/06/1989	Đại học	Tổ phó tổ 4 tuổi	0966044734
9	Hoàng Thị Chinh	06/09/1980	Đại học	Tổ trưởng tổ 3 tuổi	0353504028
10	Nguyễn Thị Minh	27/12/1972	Đại học	Tổ phó tổ 3 tuổi	0368929424
11	Nguyễn T Thu Thảo	09/07/1992	Đại học	Tổ trưởng tổ NT-ND	0392061092

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				x
Tiêu chí 1.2			x	
Tiêu chí 1.3				x
Tiêu chí 1.4				x
Tiêu chí 1.5				x
Tiêu chí 1.6				x
Tiêu chí 1.7			x	
Tiêu chí 1.8			x	
Tiêu chí 1.9			x	
Tiêu chí 1.10			x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				x
Tiêu chí 2.2				x
Tiêu chí 2.3				x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				x
Tiêu chí 3.2				x
Tiêu chí 3.3				x
Tiêu chí 3.4				x
Tiêu chí 3.5				x
Tiêu chí 3.6			x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				x
Tiêu chí 4.2				x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				x
Tiêu chí 5.2				x
Tiêu chí 5.3				x
Tiêu chí 5.4				x

- Các tiêu chí đạt mức 1: 25 = 100 %

- Các tiêu chí đạt mức 2: 25 = 100%

- Các tiêu chí đạt mức 3: 19 = 76%

- Các tiêu chí không đạt mức 3: 6 = 24 %

* Kết quả: Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2.

* Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì các thành tích đã đạt được, duy trì số lượng nhóm lớp và tỷ lệ huy động trẻ. Tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giáo viên đặc biệt là giáo viên trẻ. Tiếp tục tham mưu với lãnh đạo địa phương quan

Trẻ Mẫu giáo 3 tuổi (sinh năm 2021)	5	125	5	125	100%
Trẻ Mẫu giáo 4 tuổi (sinh năm 2020)	5	150	5	135	90%
Trẻ Mẫu giáo 5 tuổi (sinh năm 2019)	5	175	5	168	96%
Tổng:	20	565	20	513	90,8%

b) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục: *(Kèm theo biểu mẫu số 05)*

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục mầm non với gia đình và xã hội: *(Có quy chế đính kèm)*

d) Thực đơn hằng ngày của trẻ em: *(Có thực đơn đính kèm)*

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước (Năm học 2023-2024) và năm học hiện tại (Năm học 2024-2025)

a) Tổng số trẻ em; tổng số nhóm, lớp; số trẻ em tính bình quân/nhóm, lớp (hoặc nhóm, lớp ghép);

b) Số trẻ em học nhóm, lớp ghép (nếu có);

c) Số trẻ em học 02 buổi/ngày;

d) Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú;

đ) Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ;

e) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi;

g) Số trẻ em khuyết tật.

(Kèm theo biểu mẫu số 04)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài: *Không.*

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính trước năm liền kề thời điểm báo cáo theo quy định của pháp luật (Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2024) *(Kèm theo biểu 06)*

ĐVT: đồng			
STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
1	Thu phí, lệ phí	697,590,000	697,590,000
1.1	Học phí	697,590,000	697,590,000
4	Thu sự nghiệp khác	3,617,082,000	3,617,082,000
4.1	Điện, nước, chất đốt, đồ dùng, phụ phí bán trú	323,765,000	323,765,000
4.2	Đồ dùng học tập, đồ dùng đồ chơi	98,950,000	98,950,000
4.3	Công trồng trưa, thuê nhân viên nấu bếp ăn BT	985,234,000	985,234,000
4.4	Các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, cho, tặng	285,434,000	285,434,000
4.5	Nước uống	34,881,000	34,881,000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả công tác tham mưu, tuyên truyền kết hợp với cha mẹ trẻ.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyên truyền về giáo dục mầm non. Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm tuyên truyền, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đổi mới và phát triển GDMN; Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học, ATGT, Luật giáo dục cho các bậc cha mẹ trẻ và cộng đồng. Kết hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể và cộng đồng tại địa phương trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường.

Đẩy mạnh việc xây dựng góc tuyên truyền theo từng nhóm, lớp. Tuyên truyền về nội dung phương pháp phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ từ trong cộng đồng thông qua họp phụ huynh, ngày hội ngày lễ... Tăng cường kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác tuyên truyền tại các nhóm, lớp và đưa vào tiêu chí thi đua trong năm học.

Bồi dưỡng cho giáo viên về kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, phối hợp với các bậc cha mẹ và cộng đồng. Sử dụng Tạp chí Giáo dục mầm non làm một trong những tài liệu sinh hoạt chuyên môn trong nhà trường.

Tích cực tham mưu với UBND Phường công tác dân vận để cha mẹ trẻ, xã hội đồng thuận cao cùng tham gia các hoạt động của nhà trường để tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao hiệu quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Trong học kỳ I nhà trường đã phối kết hợp với PHHS tổ chức các hoạt động chuyên đề, hội thi và các hoạt động trải nghiệm cho trẻ thiết thực hiệu quả, các phong trào sôi nổi và có sự tham gia của đông đảo phụ huynh: Ngày hội đến trường của bé; ngày tết trung thu; Chương trình Tôi yêu Việt Nam; ngày NGVN 20/11; ngày TLQĐNDVN; Hội thi “Chiến sĩ khoẻ, chiến sĩ khéo”; Chuyên đề “Luyện phát âm chuẩn phụ âm L, N cho trẻ mầm non”; Hội xuân chào năm mới. Các hoạt động trải nghiệm như: Thăm quan Ban chỉ huy quân sự thị xã Kinh Môn, tham quan chợ hoa ngày tết...

Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc thu chi trong nhà trường theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản thu tại các cơ sở giáo dục đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch. Chỉ đạo giáo viên các lớp không thu gộp các khoản tiền ngay từ đầu năm học, đặc biệt là các khoản thu, chi thoả thuận, thu hộ... phải đảm bảo đúng quy trình và được sự đồng thuận tự nguyện của cha mẹ HS.

2. Kết quả ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.

Nhà trường đã triển khai và thực hiện hiệu quả công tác chuyển đổi số, đẩy mạnh UDCNTT trong quản lý, điều hành các hoạt động GDMN, kết quả như sau:

- 100% cán bộ giáo viên tham gia học chuyển đổi số trong ngành giáo dục. 100% CBQL ứng dụng khai thác và sử dụng hiệu quả CNTT trong quản trị nhà trường.
- Nhà trường đang tiếp cận thực hiện hồ sơ sổ sách điện tử eDoc giảm thiểu sử dụng hồ sơ giấy. 100% giáo viên có kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy;

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2024

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
1	Thu phí, lệ phí	697,590,000	697,590,000
1.1	Học phí	697,590,000	697,590,000
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án) Hỗ trợ đồ dùng TB dạy học cho trẻ	0	0
4	Thu sự nghiệp khác	3,617,082,000	3,617,082,000
4.1	Điện, nước, chất đốt, đồ dùng, phụ phí bán trú	323,765,000	323,765,000
4.2	Đồ dùng học tập, đồ dùng đồ chơi	98,950,000	98,950,000
4.3	Công trông trưa, thuê nhân viên nấu bếp ăn BT	985,234,000	985,234,000
4.4	Các khoản viện trợ, tài trợ, quà biếu, cho, tặng	285,434,000	285,434,000
4.5	Nước uống	34,881,000	34,881,000
4.6	Quỹ hội PHHS	0	0
4.7	Bảo hiểm thân thể	101,600,000	101,600,000
4.8	Đồ dùng bán trú lần đầu	24,800,000	24,800,000
4.9	Vệ sinh trường lớp	99,620,000	99,620,000
4.10	Tiền ăn bán trú	1,662,798,000	1,662,798,000
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	0	
3	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ		
1	Phí, lệ phí (Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác (Chi tiết theo từng loại thu)		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6,464,013,000	6,464,013,000
I	KP chi thường xuyên theo DT	5,648,394,000	5,648,394,000
a	KP giao tự chủ	5,648,394,000	5,648,394,000
	Loại 070 khoản 071		0
	Mục 6000	2,749,806,313	2,749,806,313
	Mục 6050	16,736,500	16,736,500
	Mục 6100	1,471,841,066	1,471,841,066
	Mục 6150		0
	Mục 6200	0	0
	Mục 6300	905,516,058	905,516,058
	Mục 6400	0	0
	Mục 6500		0

UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025
(Thời điểm tháng 12 năm 2024)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	-
	Phòng học khu nhà A (5 phòng)	95m ² /phòng	
	Phòng học khu nhà B (5 phòng)		
	Phòng học khu nhà C (10 phòng)		
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	4809 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2199 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²) (Bao gồm phòng sinhhoạt chung, kho, nhà vệ sinh, hiên chơi)	2879 m ²	
	Khu nhà A	970 m ²	
	Khu nhà B		
	Khu nhà C		
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		

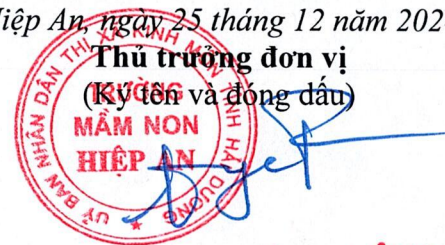
	Máy chiếu	2				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)			Số thiết bị/nhóm (lớp)		
1	Hệ thống camera (48 mắt)					
		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	22m ²		227 m ²		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
					Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh				x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)				x	
XIV	Kết nối internet				x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục				x	
XVI	Tường rào xây				x	

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nhung

Hiệp An, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ TUYẾT

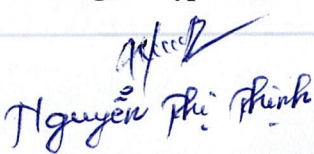
UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường mầm non Hiệp An, năm học 2024-2025
(Thời điểm tháng 12 năm 2024)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (22-23)				Hoàn thành BD hàng năm	
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	K.Đạt	SL	Tỷ lệ %
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	50			43	2		5		38	5	21	19	3	0	50	100
I	Giáo viên	41			39	2				38	2	18	19	3		41	100
1	Nhà trẻ	10			9	1				10	0	2	7	1		10	100
2	Mẫu giáo	31			30	1				28	2	16	12	2		31	100
II	Cán bộ quản lý	3			3					0	3	3				3	100
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1				1	100
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2				2	100
III	Nhân viên	6			1			5								6	100
1	Nhân viên văn thư																
2	Nhân viên kế toán	1			1											1	100
3	Bảo vệ	1						1								1	100
4	Nhân viên y tế																
5	Nhân viên nuôi dưỡng	4						4								4	100

Người lập biểu


Nguyễn Thị Thịnh

Hiệp An, ngày 25 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị




HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ TUYẾT

UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025
(Thời điểm tháng 12 năm 2024)

STT		Kết quả đánh giá				Kế hoạch cải tiến chất lượng/Thời gian công nhận
		Cấp độ 1	Cấp độ 2	Cấp độ 3	...	
1	Tự đánh giá			x		Trong những năm học tiếp theo tập thể CBGVNV của nhà trường quyết tâm phấn đấu danh hiệu Tập thể LĐXS; Cờ thi đua của UBND tỉnh và duy trì đạt danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ II; thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, quyết tâm xây dựng một môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ theo chủ đề “Trường mầm non hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm”. Đồng thời BGH nhà trường tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội, các mạnh thường quân trong và ngoài phường quan tâm, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện tốt các phong trào thi đua và chương trình CSNDGD trẻ. Nâng cao chất lượng đội ngũ, hoàn thiện cơ sở vật chất, từng bước củng cố và duy trì đạt kiểm định cấp độ 3 và danh hiệu trường chuẩn Quốc gia mức độ II.
2	Đánh giá ngoài			x		

Người lập biểu

Nguyễn Phú Bình

Hiệp An, ngày 25 tháng 12 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THỊ TUYẾT

UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025
(Thời điểm tháng 12 năm 2024)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	513		30	55	125	135	168
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày			30	55	125	135	168
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						1	1
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú			30	55	125	135	168
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe							
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng							
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	513		30	55	125	135	168
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân, béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	85		30	55			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	428				125	135	168

Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyệt
Nguyễn Thị Nguyệt

Hiệp An, ngày 25 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Tuyết
HIỆP AN
NGUYỄN THỊ TUYẾT

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của trường mầm non Hiệp An,
năm học 2023-2024 (Thời điểm tháng 5 năm 2024)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	599		49	80	134	165	171
1	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	599		29	80	134	165	171
2	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	3					1	2
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	599		49	80	134	165	171
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	596		46	80	134	165	171
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	596						
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	590		49	78	132	164	170
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	6			2	2	1	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	585		49	76	127	163	168
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	11			1	5	2	3
5	Số trẻ thừa cân, béo phì	14				5	2	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ			49	80			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					134	165	171

UBND THỊ XÃ KINH MÔN
TRƯỜNG MẦM NON HIỆP AN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024-2025
(Thời điểm tháng 12 năm 2024)

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ đạt được	1. Chăm sóc, nuôi dưỡng: 100% trẻ ăn bán trú tại trường và được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần; được cân, đo và theo dõi biểu đồ sức khỏe, được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1lần/năm bao gồm khám sức khỏe chuyên khoa. - Tỷ lệ trẻ SDD NC = dưới 2%, TC = dưới 2%, Trẻ BP: 0%. - 100% trẻ có khả năng vận động phù hợp theo độ tuổi, sức khỏe tốt. 2. Giáo dục: 100% trẻ đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ; 100% có thói quen tự phục vụ phù hợp độ tuổi; 100% nghe và hiểu được lời nói của người khác, nói được câu đơn giản. Biết diễn đạt hiểu biết thông qua câu nói đơn hoặc cử chỉ tay đưa ra, lắc đầu, gật đầu; 100% Trẻ có hiểu biết ban đầu về bản thân, về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm phù hợp với độ tuổi.	1. Chăm sóc, nuôi dưỡng: 100% trẻ ăn bán trú tại trường và được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần; được cân, đo và theo dõi biểu đồ sức khỏe, được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1lần/năm bao gồm khám sức khỏe chuyên khoa. - Tỷ lệ trẻ SDD NC = dưới 2%, TC = dưới 2%, Trẻ BP = 3,1%. - 100% trẻ thích vận động và có kỹ năng vận động khéo léo theo độ tuổi, sức khỏe tốt. 2. Giáo dục: 100% trẻ đạt các chỉ số đánh giá theo sự phát triển của trẻ; 100% Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ phù hợp độ tuổi, thói quen, nề nếp vệ sinh; Trẻ chủ động tích cực hứng thú tham gia vào các hoạt động giáo dục, tự tin, biết bày tỏ cảm xúc và ý kiến cá nhân phù hợp với độ tuổi, mạnh dạn trong giao tiếp với những người xung quanh, lễ phép với người lớn phù hợp với độ tuổi; biết thân thiện, chia sẻ, hợp tác với bạn bè trong các hoạt động sinh hoạt, vui chơi, học tập phù hợp với độ tuổi, có ý thức về bảo vệ môi trường. Biết sử dụng các câu nói lịch sự, lễ phép. - 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi nhận biết được